

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dịch vụ và gói thầu

1. Giới thiệu chung về dịch vụ

1. Tên dịch vụ công ích: Cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng phà qua bến phà Đồng Bài - Cái Viềng năm 2026
2. Đơn vị được giao nhiệm vụ: Sở Xây dựng Hải Phòng
3. Nguồn vốn: Nguồn thu giá dịch vụ qua bến phà Đồng Bài - Cái Viềng
4. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bến phà Đồng Bài - Cái Viềng, đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin chung về gói thầu:

- Tên gói thầu: Dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng phà qua bến phà Đồng Bài- Cái Viềng năm 2026.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện hợp đồng: năm 2026
- Giá gói thầu áp dụng thuế giá trị gia tăng là 0%

II. Phạm vi công việc và yêu cầu về cung cấp dịch vụ

1. Phạm vi công việc gói thầu:

- Cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng phà qua bến phà Đồng Bài - Cái Viềng năm 2026.

Phạm vi công việc bao gồm các công tác sau:

STT	Nội dung công tác	Khối lượng	Đơn vị tính
1	Công tác quản lý, điều hành, thu giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng qua bến phà Đồng Bài - Cái Viềng	365	ngày
2	Công tác vận hành phà Đồng Bài – Cái Viềng		
2.1	Phà tự hành <100 tấn	4.674,0	Chuyến
2.2	Phà tự hành >180 tấn	17.160,0	Chuyến
2.3	Phà tự hành ≥ 20 tấn (phà đảm bảo an toàn giao thông khẩn cấp)	1.460,0	Chuyến
3	Công tác ra vào phao neo phà Đồng Bài - Cái Viềng		

3.1	Phà tự hành <100 tấn	1.470,0	Lướt
3.2	Phà tự hành >180 tấn	3.176,0	Lướt
3.3	Phà tự hành ≥ 20 tấn (phà đảm bảo an toàn giao thông khẩn cấp)	730,0	Lướt
4	Công tác thường trực chạy phà Đồng Bài - Cái Viêng		
4.1	Phà tự hành < 100 tấn	945,6	ca
4.2	Phà tự hành > 180 tấn	1.416,3	ca
4.3	Phà tự hành ≥ 20 tấn (phà đảm bảo an toàn giao thông khẩn cấp)	527,7	ca
5	Công tác chờ đợi phà neo đậu tại phao neo		
5.1	Phà tự hành <100 tấn	456,2	ca
5.2	Phà tự hành >180 tấn	912,6	ca
5.3	Phà tự hành ≥ 20 tấn (phà đảm bảo an toàn giao thông khẩn cấp)	456,3	ca
6	Công tác vận hành phà Đồng Bài – Cái Viêng (khối lượng dự phòng)		
6.1	Phà tự hành <100 tấn chuyển phà dự phòng	1.460,0	chuyển
6.2	Phà tự hành >180 tấn chuyển phà dự phòng	1.706,0	chuyển
7	Chi phí in thẻ miễn giảm cho nhân dân đảo	10.497	vé

***) Đối với khối lượng dự phòng công tác vận hành phà Đồng Bài – Cái Viêng:**

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần sử dụng các chuyến phà dự phòng để thực hiện dịch vụ, nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư (đại diện Chủ đầu tư) làm cơ sở nghiệm thu thanh toán.

Bảng tổng hợp số chuyến phà dự kiến năm 2026

STT	Tháng	Phà tự hành \geq 20 tấn (phà đảm bảo an toàn giao thông khẩn cấp)	Phà tự hành <100 tấn	Phà tự hành \geq 180 tấn	Tổng	Phà tự hành <100 tấn chuyến phà dự phòng	Phà tự hành \geq 180 tấn chuyến phà dự phòng	Tổng	Ghi chú
1	Tháng 01	124	310	1240	1.674	124	124	248	Từ ngày 01/01/2026 đến hết 25/4/2026 và từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Trung bình 01 ngày: - 40 chuyến phà \geq 180 tấn/ ngày - 08 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà \geq 20T/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) <100 tấn/ngày - Dự phòng 08 chuyến/ngày (gồm 04 chuyến >180T và 04 chuyến < 100 T)
2	Tháng 02	112	280	1120	1.512	112	112	224	Từ ngày 01/01/2026 đến hết 25/4/2026 và từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Trung bình 01 ngày: - 40 chuyến phà \geq 180 tấn/ ngày - 08 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà \geq 20T/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) <100 tấn/ngày - Dự phòng 08 chuyến/ngày (gồm 04 chuyến >180T và 04 chuyến < 100 T)

3	Tháng 03	124	310	1240	1.674	124	124	248	<p>Từ ngày 01/01/2026 đến hết 25/4/2026 và từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Trung bình 01 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40 chuyến phà ≥ 180 tấn/ ngày - 08 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà $\geq 20T$/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) < 100 tấn/ngày - Dự phòng 08 chuyến/ngày (gồm 04 chuyến $> 180T$ và 04 chuyến $< 100 T$)
4	Tháng 04	120	340	1300	1.760	120	120	240	<p>* Từ ngày 01/01/2026 đến hết 25/4/2026 và từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Trung bình 01 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40 chuyến phà ≥ 180 tấn/ ngày - 08 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà $\geq 20T$/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) < 100 tấn/ngày - Dự phòng 08 chuyến/ngày (gồm 04 chuyến $> 180T$ và 04 chuyến $< 100 T$) <p>* Từ ngày 26/4/2026 đến hết ngày 31/8/2026. Trung bình 01 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60 chuyến phà ≥ 180 tấn/ ngày - 16 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà $\geq 20T$/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) < 100 tấn/ngày

5	Tháng 05	124	558	1860	2.542	124	186	310	<p>Từ ngày 26/4/2026 đến hết ngày 31/8/2026.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60 chuyến phà \geq180 tấn/ ngày - 16 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà \geq 20T/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) <100 tấn/ngày - Thêm 10 chuyến dự phòng (gồm 06 chuyến >180T và 04 chuyến <100 T)
6	Tháng 06	120	540	1800	2.460	120	180	300	<p>Từ ngày 26/4/2026 đến hết ngày 31/8/2026.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60 chuyến phà \geq180 tấn/ ngày - 16 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà \geq 20T/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) <100 tấn/ngày - Thêm 10 chuyến dự phòng (gồm 06 chuyến >180T và 04 chuyến <100 T)
7	Tháng 07	124	558	1860	2.542	124	186	310	<p>Từ ngày 26/4/2026 đến hết ngày 31/8/2026.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60 chuyến phà \geq180 tấn/ ngày - 16 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà \geq 20T/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) <100 tấn/ngày - Thêm 10 chuyến dự phòng (gồm 06 chuyến >180T và 04 chuyến <100 T)
8	Tháng 08	124	558	1860	2.542	124	186	310	<p>Từ ngày 26/4/2026 đến hết ngày 31/8/2026.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60 chuyến phà \geq180 tấn/ ngày - 16 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà \geq 20T/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) <100 tấn/ngày - Thêm 10 chuyến dự phòng (gồm 06 chuyến >180T và 04 chuyến <100 T)

9	Tháng 09	120	300	1200	1.620	120	120	240	<p>Từ ngày 01/01/2026 đến hết 25/4/2026 và từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Trung bình 01 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40 chuyến phà ≥ 180 tấn/ ngày - 08 chuyến phà < 100 tấn/ - 04 chuyến phà $\geq 20T$/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) < 100 tấn/ngày - Dự phòng 08 chuyến/ngày (gồm 04 chuyến $> 180T$ và 04 chuyến $< 100 T$)
10	Tháng 10	124	310	1240	1.674	124	124	248	<p>Từ ngày 01/01/2026 đến hết 25/4/2026 và từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Trung bình 01 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40 chuyến phà ≥ 180 tấn/ ngày - 08 chuyến phà < 100 tấn/ ngày (tương đương 02 phà hoạt động) - 04 chuyến phà $\geq 20T$/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) < 100 tấn/ngày - Dự phòng 08 chuyến/ngày (gồm 04 chuyến $> 180T$ và 04 chuyến $< 100 T$)
11	Tháng 11	120	300	1200	1.620	120	120	240	<p>Từ ngày 01/01/2026 đến hết 25/4/2026 và từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Trung bình 01 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40 chuyến phà ≥ 180 tấn/ ngày - 08 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà $\geq 20T$/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) < 100 tấn/ngày - Dự phòng 08 chuyến/ngày (gồm 04 chuyến $> 180T$ và 04 chuyến $< 100 T$)

12	Tháng 12	124	310	1240	1.674	124	124	248	<p>Từ ngày 01/01/2026 đến hết 25/4/2026 và từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Trung bình 01 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40 chuyến phà \geq180 tấn/ ngày - 08 chuyến phà < 100 tấn/ ngày - 04 chuyến phà \geq 20T/ ngày - 02 chuyến phà (cháy nổ, hôi tanh) <100 tấn/ngày - Dự phòng 08 chuyến/ngày (gồm 04 chuyến >180T và 04 chuyến < 100 T)
	Cộng	1.460	4.674	17.160	23.294	1.460	1.706	3.166	

Thời gian hoạt động bến phà

- Từ ngày 26/4/2026 đến hết ngày 31/8/2026: Từ 5g00 đến 18 giờ 30 (hoặc 19h00 tùy theo thời tiết và lượng hành khách).

- Từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 25/4/2026 và từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 31/12/2026: Từ 5g00 đến 18 giờ (hoặc 19h00 tùy điều kiện thời tiết và lượng hành khách).

- Thời gian giãn cách giữa các chuyến phà tối đa 40 phút.

- Nhà thầu xây dựng biểu đồ chạy phà phù hợp với các quy định của cơ quan quản lý và đảm bảo giao thông suốt không để hành khách chờ đợi kéo dài ngoài nhà bán vé 200m bến Cái Viềng (02 làn xe chiều dài hàng đợi 200m) và 100m đối với bến phà Đồng Bài (04 làn xe chiều dài hàng đợi 100m).

2. Yêu cầu về cung cấp dịch vụ

- Công tác quản lý, điều hành, thu giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng qua bến phà Đồng Bài - Cái Viềng: Nhà thầu phải đảm bảo công tác điều hành, vệ sinh trên bến, thông tin biểu đồ chạy phà, giá vé, soát vé, dịch vụ, camera giám sát tại các điểm, sổ sách giấy tờ, nguyên vật liệu phục vụ vận hành phà ...

- Nhà thầu cung cấp dịch vụ khai thác, vận hành bến phà qua bến phà Đồng Bài – Cái Viềng phục vụ vận tải hành khách và phương tiện qua phà, đảm bảo các điều kiện an toàn cho hành khách và phương tiện; đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ, cứu đắm, cứu nạn khi xảy ra sự cố; đảm bảo tối đa sự vận hành liên tục.

2.1. Yêu cầu về cơ sở hạ tầng trên bến

Tại mỗi đầu bến, nhà thầu phải có phương án bố trí đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ công tác vận hành và khai thác trên bến bao gồm: Văn phòng điều hành, nhà chờ, khu vực bán vé (ki ốt bán vé), rào chắn (Barie), camera giám sát (vị trí lắp đặt theo yêu cầu của chủ đầu tư), đảm bảo phù hợp với quy mô khai thác và hiện trạng khu vực bến.

Văn phòng điều hành để quản lý hoạt động bến phà: Văn phòng cần được bố trí tại vị trí thuận tiện và an toàn. Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, điều hành như máy tính, hệ thống camera giám sát, điện thoại liên lạc, bảng thông báo, bảng phân công ca trực, loa thông tin đến khách hàng, công khai số điện thoại đường dây nóng ban quản lý bến phà...

Đường dẫn: có đủ cọc tiêu, biển báo hiệu, có cổng hoặc cây chắn, hàng rào phân định rõ ranh giới hành khách, phương tiện giao thông đường bộ chờ đợi trước khi xuống phà. Bố trí hệ thống camera giám sát (vị trí lắp đặt theo yêu cầu của chủ đầu tư).

Trạm bán, soát vé: Bố trí tại khu vực dễ tiếp cận, gần lối vào lên phà để kiểm soát vé nhanh chóng và hiệu quả. Trạm soát vé phải được trang bị máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Có camera giám sát (vị trí lắp đặt theo yêu cầu của chủ đầu tư).

Các điều kiện về vệ sinh, an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy:

+ Khu vực bến có trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy, phao cứu sinh, và các thiết bị an toàn khác. Có đèn chiếu sáng khi hoạt động khai thác lúc trời tối đảm bảo

an toàn cho phà và các phương tiện;

+ Có các tiện ích như nhà vệ sinh, nước uống...

+ Đảm bảo an ninh, vệ sinh và thuận tiện cho người cao tuổi, người khuyết tật.

+ Có hệ thống thu gom và xử lý rác thải để bảo vệ môi trường nước và khu vực xung quanh.

2.2. Yêu cầu về phương tiện vận chuyển hành khách

Nhà thầu bố trí đủ số lượng phương tiện theo yêu cầu của HSMT. Nhà thầu có thể đề xuất các loại phà khác so với yêu cầu nhưng phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đối với phà tự hành $\geq 180T$: Các phà có tải trọng tối thiểu 60T và tổng tải trọng $\geq 180T$ được xét tương đương 01 phà $\geq 180T$

- Đối với phà tự hành từ 80T đến dưới 100T: Có thể thay thế bằng phà tải trọng $\geq 100T$, mỗi phà tải trọng > 100 thay thế được xét tương đương phà tải trọng 100T.

- Đối với phà tự hành $\geq 20T$: Các phà tải trọng $> 20T$ đương xét tương đương 01 phà 20T.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu đề xuất thay đổi phương tiện thực hiện dịch vụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì phương tiện thay thế phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về phương tiện quy định trong hồ sơ mời thầu và được Chủ đầu tư (đại diện chủ đầu tư) chấp thuận bằng văn bản.

Đối với phà phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật như: Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện thủy nội địa, Giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật và Bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực, Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy, có bảo hiểm phương tiện, trách nhiệm dân sự còn hiệu lực, Sổ nhật ký phương tiện, sổ danh bạ thuyền viên, bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và các giấy tờ khác có liên quan theo quy định của pháp luật; kẻ hoặc gắn biển số đăng ký trên phà, ghi rõ số lượng hành khách được phép trên phà theo quy định;

- Cấp hoạt động của phà phải đáp ứng từ cấp có ký hiệu VR-SI trở lên

- Được trang bị đủ số lượng, đúng chủng loại các trang thiết bị, dụng cụ cứu sinh, cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy,... theo quy định;

- Có ghế ngồi cho người khuyết tật, người già, phụ nữ có thai và trẻ em khi đi phà;

- Lưỡi phà (phần tiếp giáp với lưỡi bên khi phà cập bến) phải chắc chắn, không trơn trượt, không lồi lõm, không để chướng ngại vật, có rào chắn đóng mở cầu phà.

2.3. Yêu cầu về hệ thống tổ chức nhân sự

a) Yêu cầu về tổ chức nhân sự

Nhà thầu bố trí nhân sự thực hiện công tác điều hành hoạt động tại bến phà và vận hành phương tiện bao gồm các vị trí nhân sự và số lượng tối thiểu như sau:

Công tác quản lý, điều hành, thu giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng qua bến phà Đồng Bài - Cái Viêng

I	Nhân sự điều hành hoạt động tại bến phà	Đơn vị	Số lượng
1	Bến trưởng	người	1
2	Bến phó	người	4
3	Kế toán	người	1
4	Thủ quỹ	người	1
5	Thủ kho vật tư, vé	người	1
6	Nhân viên bán vé, soát vé, mở cổng, điều phối trước barie	người	16
7	Nhân viên điều phối giao thông, xếp xe, kê cầu phà	người	12
8	Cấp dưỡng kiêm vệ sinh bến	người	2
9	Nhân viên trực ATGT, quản lý vận hành Camera, Cán bộ theo dõi camera, xử lý sự cố đột xuất....	người	1
10	Bảo vệ ban đêm	người	2
II	Lao động chuyên môn nghiệp vụ		
1	Cán bộ theo dõi thuế, vé, doanh thu	người	1
2	Cán bộ tiền lương, BHXH, nhân sự	người	1
3	Cán bộ kỹ thuật	người	1

b. Yêu cầu đối với thuyền viên, nhân viên bến

- Người lái phà phải có bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với loại phương tiện điều khiển; bố trí thuyền viên và người lái phà đúng theo đăng ký trong danh bạ thuyền viên; không được giao phương tiện thủy nội địa cho người lái phà trong thời gian bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi bằng lái, chứng chỉ chuyên môn;

- Các thuyền viên phải được tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ an toàn giao thông và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận để hướng dẫn hành khách và phương tiện giao thông đường bộ lên xuống phà được an toàn, thuận lợi;

- Thuyền viên làm việc trên phương tiện thủy nội địa phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 29 của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thuyền viên và nhân viên bến phải có thiết bị liên lạc không dây cầm tay để phối hợp nhịp nhàng, thuận lợi trong công việc và hoạt động vận tải đảm bảo an toàn, thông suốt.

2.4. Yêu cầu về quy trình vận hành, khai thác

***) Tổ chức nhân sự, quản lý vận hành và khai thác phà**

Nhà thầu phải có phương án tổ chức nhân sự để quản lý, vận hành và khai thác phà, có bảng phân công nhân sự trong ca trực. Bộ máy nhân sự phải bố trí đầy đủ các vị trí như sau:

- Trưởng ca là nhân viên bến được giao nhiệm vụ giải quyết hoạt động tại bến và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong ca làm việc. Trưởng ca chịu trách nhiệm về bảo

đảm an toàn, an ninh trật tự; kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ nhân viên trong ca làm việc tại bến.

- Nhân viên bến là người được giao nhiệm vụ trong một ca làm việc, bao gồm: trưởng ca, bảo vệ, điều hành, bán vé, hướng dẫn.

- Thuyền viên bao gồm: Thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy, thủy thủ. Nhà thầu phải bố trí đầy đủ thuyền viên phù hợp với số lượng phương tiện đề xuất trong E-HSDT. Các thuyền viên phải có chứng chỉ (chứng nhận) chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm. Trong đó:

- Biên chế nhân sự trên một phà ≥ 180 tấn tối thiểu bao gồm:

+ Thuyền trưởng : 01 người

+ Máy trưởng : 01 người

+ Thủy thủ : 04 người

- Biên chế nhân sự trên một phà từ 80T đến dưới 100T tối thiểu bao gồm:

+ Thuyền trưởng : 01 người

+ Máy trưởng : 01 người

+ Thủy thủ : 04 người

- Biên chế nhân sự trên một phà ≥ 20 tấn tối thiểu bao gồm:

+ Thuyền trưởng : 01 người

+ Máy trưởng : 01 người

+ Thủy thủ : 01 người

- Biên chế nhân sự tối thiểu trên một phà đối với các phà khác theo đề xuất thay thế tương đương của nhà thầu: Nhà thầu phải bố trí biên chế nhân sự tối thiểu tương ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thuyền viên, nhân viên bến phải mặc đồng phục, đeo thẻ tên, bảo hộ lao động (nếu có) khi làm việc; có thái độ hòa nhã, văn minh, lịch sự, tận tình hướng dẫn hành khách thực hiện nội quy bến và quy định pháp luật.

- Nhân viên điều hành chịu trách nhiệm hướng dẫn hành khách, xếp hàng, mua vé, lên xuống bến; chỉ dẫn phương tiện giao thông đường bộ lên, xuống phà an toàn, thuận lợi; yêu cầu hành khách mặc áo phao hoặc mang dụng cụ nổi cá nhân.

- Nhân viên bán vé chịu trách nhiệm bán đúng giá vé theo bảng niêm yết giá vé tại bến, đúng đối tượng, đúng chủng loại loại vé.

- Nhân viên bảo vệ chịu trách nhiệm gìn giữ trật tự tại bến, trông coi tài sản của bến, hướng dẫn hành khách tự bảo quản tài sản, hành lý mang theo.

***) Yêu cầu với công tác bán vé**

Nhà thầu có phương án tổ chức bán vé đáp ứng các yêu cầu sau:

- Về mức giá thu theo Quyết định số 3701/QĐ-UBND ngày 11/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Nhà thầu có trách nhiệm in, phát hành vé theo quy định. Trong đó vé phát hành phải phân loại cho các đối tượng hành khách khác nhau. Bảng giá vé từng đối tượng hành khách theo bản quy định dưới đây:

I	Áp dụng các đối tượng	Giá vé (đồng/lượt)
1	Hành khách đi bộ	13.000
2	Hành khách đi xe đạp	11.000
3	Xe đạp thồ các loại	11.000
4	Hành khách đi xe máy	40.000
5	Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi	176.000
6	Xe ô tô khách từ 9 đến dưới 24 chỗ	195.000
7	Xe ô tô khách từ 24 đến dưới 32 chỗ	223.000
8	Xe ô tô khách từ 32 chỗ ngồi trở lên	305.000
9	Xe ô tô tải dưới 1 tấn có hàng	195.000
10	Xe ô tô tải dưới 1 tấn không hàng	128.000
11	Xe ô tô tải 1-3 tấn có hàng	374.000
12	Xe ô tô tải 1-3 tấn không hàng	223.000
13	Xe ô tô tải 3-5 tấn có hàng	454.000
14	Xe ô tô tải 3-5 tấn không hàng	337.000
15	Xe ô tô tải 5-10 tấn có hàng	703.000
16	Xe ô tô tải 5-10 tấn không hàng	418.000
17	Xe ô tô tải 10-13 tấn có hàng	863.000
18	Xe ô tô tải 10-13 tấn không hàng	462.000
19	Hàng hoá qua phà 61kg trở lên	18.000
20	Xe ô tô tải từ 13- dưới 16 tấn có hàng	1.292.000
21	Xe ô tô tải từ 13- dưới 16 tấn không hàng	636.000
22	Xe ô tô tải từ 16- dưới 30 tấn có hàng	1.412.000
23	Xe ô tô tải từ 16- dưới 30 tấn không hàng	684.000
24	Xe ô tô tải từ 30- dưới 40 tấn có hàng	1.165.000
25	Xe ô tô tải từ 30- dưới 40 tấn không hàng	753.000
26	Xe ô tô tải từ 40 đến 47 tấn không hàng	821.000
27	Xe trộn bê tông (khối lượng toàn bộ đến 25 tấn) có bê tông	919.000
28	Xe trộn bê tông (khối lượng toàn bộ đến 25 tấn) không có bê tông	719.000
29	Xe đầu kéo kéo somi rơ mooc chở Container đến 20 Feet có hàng	1.359.000
30	Xe đầu kéo kéo somi rơ mooc chở Container đến 20 Feet không hàng	674.000

31	Xe đầu kéo kéo somi rơ mooc chở Container trên 20 Feet (khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe đến 47 tấn) có hàng	1.796.000
32	Xe đầu kéo kéo somi rơ mooc chở Container trên 20 Feet (khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe đến 47 tấn) không có hàng	1.110.000
II	Áp dụng đối với người dân Cát Hải	
1	Hành khách đi bộ	6.500
2	Hành khách đi xe đạp	5.500
3	Xe đạp thồ các loại	5.500
4	Hành khách đi xe máy	20.000
5	Xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi	88.000

- Trạm soát vé phải được trang bị hệ thống soát vé tự động hoặc bán tự động, máy in vé, máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Chấp nhận nhiều hình thức thanh toán: tiền mặt, thẻ ngân hàng, ví điện tử

- Nhà thầu phải thực hiện miễn giảm giá vé theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ đầu tư và các trường hợp theo quy định hiện hành của pháp luật.

***) Yêu cầu với công tác quản lý doanh thu**

Nhà thầu có phương án quản lý doanh thu đảm bảo tính chính xác, minh bạch, đầy đủ thông tin, thuận tiện trong công tác báo cáo, theo dõi kiểm tra doanh thu.

Doanh thu sau 1 ngày Nhà thầu phải chuyển vào tài khoản của Chủ đầu tư hoặc Đại diện Chủ đầu tư để quản lý doanh thu kèm theo báo cáo từ hoạt động thu vé dịch vụ vận tải hành khách và phương tiện qua phà.

Chế độ báo cáo: Nhà thầu lập báo cáo theo dõi doanh thu tổng hợp hàng tháng, quý, năm. Trong đó thể hiện đầy các thông tin về số lượng phương tiện, chuyên vận tải, số lượng vé, loại vé bán ra và số tiền thu được.

3. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương III và chương V E-HSMT.

Nhà thầu có thuyết minh chi tiết về phương án quản lý khai thác và vận hành phà bao gồm các nội dung chính sau:

- Phương án quản lý, vận hành và khai thác phà.
- Phương án kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên phương tiện, thiết bị phà.
- Biện pháp an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, PCCN.
- Biện pháp xử lý sự cố, tai nạn trên phà.

Nội dung phải đáp ứng các yêu cầu tại Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06/06/2014 của Bộ Giao thông vận tải và Luật Giao thông đường thủy nội địa.

4. Quy định về nghiệm thu thanh toán, giá hợp đồng

4.1. Công tác nghiệm thu chất lượng dịch vụ

Các sản phẩm, dịch vụ của nhà thầu phải được chủ đầu tư (Đại diện Chủ đầu tư) kiểm duyệt, thẩm định trước khi nghiệm thu. Mọi thủ tục nghiệm thu được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Chất lượng dịch vụ nhà thầu cung cấp phải đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT và các quy định của hợp đồng.

Nhà thầu phải huy động và thực hiện đầy đủ nhân sự, máy móc, trang thiết bị đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu để thực hiện cung cấp dịch vụ; nếu Nhà thầu không thực hiện đầy đủ hoặc thực hiện thiếu một trong các yêu cầu về nhân sự, máy móc, trang thiết bị nêu trên thì sẽ không được nghiệm thu công việc, sản phẩm đó; đồng thời sẽ bị xem xét xử phạt theo quy định của hợp đồng.

Nhà thầu phải thực hiện đối soát sản lượng thực hiện và doanh thu với Đơn vị giám sát (Đại diện Chủ đầu tư) hàng ngày, hàng tuần để thực hiện việc nghiệm thu sản lượng và doanh thu hàng tháng, quý hoặc 06 tháng.

Chủ đầu tư (Đại diện chủ đầu tư) có thể thực hiện nghiệm thu theo tháng, quý hoặc 06 tháng tùy theo tình hình thực tế. Nhà thầu có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nghiệm thu. Thời điểm nghiệm thu từ ngày 05 đến ngày 07 của tháng liền kề với quý, năm nghiệm thu.

4.2. Tạm ứng, thanh toán hợp đồng

4.2.1. Tạm ứng:

Không tạm ứng

4.2.2. Thanh toán hợp đồng

Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền với tổng giá trị: 1.614.004.000 đồng (một tỷ sáu trăm mười bốn triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng), trích từ nguồn thu giá dịch vụ qua phà Đồng Bài – Cái Viêng năm 2026 để phục vụ chi trả cho các khoản phí liên quan bao gồm: chi phí tư vấn, chi phí kiểm tra - giám sát và các chi phí khác liên quan theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Số tiền trên là nghĩa vụ tài chính bắt buộc, không phụ thuộc vào doanh thu, khối lượng hay kết quả kinh doanh.

Căn cứ khối lượng thực tế thực hiện hàng tháng, quý hoặc năm được Chủ đầu tư (Đại diện chủ đầu tư) nghiệm thu và các chế độ chính sách hiện hành, Chủ đầu tư (Đại diện chủ đầu tư) thanh toán cho nhà thầu theo khối lượng dịch vụ hoàn thành được nghiệm thu từ nguồn doanh thu mà nhà thầu đã nộp vào tài khoản của Chủ đầu tư.

Sau khi quyết toán gói thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Trường hợp doanh thu giá dịch vụ bằng hoặc nhỏ hơn giá trị quyết toán gói thầu, Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu giá trị tối đa bằng giá trị doanh thu giá dịch vụ (sau khi trừ đi 1.614.004.000 đồng là khoản phí cố định được Chủ đầu tư giữ lại).

- Trường hợp doanh thu giá dịch vụ (sau khi trừ đi khoản phí cố định được Chủ đầu tư giữ lại) lớn hơn giá trị quyết toán gói thầu, Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu giá trị tối đa bằng giá trị quyết toán gói thầu. Số tiền chênh lệch giữa doanh thu giá dịch vụ và giá trị quyết toán gói thầu sẽ được Chủ đầu tư giữ lại và xin ý kiến cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.